

Số: 351 /KH-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045

Căn cứ Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045, với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 10/NQ-CP và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trong tình hình mới. Kiên trì và nhất quán thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, khơi dậy khát vọng, phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị nhằm tổ chức thực hiện tốt công tác dân tộc; phát huy vai trò, chức năng của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn 2021-2030 và các chính sách dân tộc góp phần ổn định chính trị, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Đa dạng hóa thu hút, huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư hỗ trợ của Trung ương; khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng đồng bào DTTS&MN; giảm nghèo một cách bền vững, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa vùng đồng bào DTTS&MN với các vùng khác trong tỉnh, giữa các dân tộc trên địa bàn nhằm phát triển bền vững, toàn diện vùng đồng bào DTTS&MN trên các lĩnh vực kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội.

2. Yêu cầu

- Kiên trì, nhất quán thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách, là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của hệ thống chính trị để thực

hiện nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng tiến bộ, đảm bảo ổn định, phát triển và hội nhập. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của toàn xã hội về công tác dân tộc, đảm bảo hiệu quả, đạt được các mục tiêu đề ra.

- Nâng cao vai trò tham mưu, đề xuất, xác định rõ nội dung, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện các chương trình, dự án và chính sách dân tộc.

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp để triển khai tổ chức thực hiện các nội dung trong kế hoạch. Quá trình triển khai thực hiện phải bám sát các nội dung theo Kết luận số 65-KL/TW; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2030; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 04/12/2020 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 03/3/2021 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình hành động của Tỉnh ủy; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng các chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để triển khai những nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; khai thác tiềm năng, phát huy hiệu quả lợi thế so sánh của vùng, bảo vệ môi trường và không gian sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số; rút ngắn khoảng cách về mức thu nhập giữa vùng đồng bào DTTS&MN với vùng phát triển.

Giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK), cải thiện rõ rệt đời sống và nâng cao sinh kế của nhân dân; thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với các vùng phát triển. Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN; xóa bỏ dần các phong tục tập quán lạc hậu, đồng thời bảo tồn, phát huy các bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp đặc trưng của các dân tộc. Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố sức mạnh đại đoàn kết

toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Thu nhập bình quân của người DTTS tăng trên 2 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo người DTTS hằng năm giảm trên 3%; tỷ lệ hộ nghèo tại các xã vùng đồng bào DTTS&MN bình quân giảm 1-2%/năm. Trong đó, các xã ĐBKK giảm bình quân 3%/năm.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; nâng tỷ lệ đường trục xã được nhựa hóa, bê tông hóa từ 72% lên 95%, đường trục thôn, liên thôn từ 49% lên 75%, đường ngõ, xóm từ 45% lên 85%, đường nội đồng từ 23% lên 45%; 100% các thôn bản ĐBKK bảo đảm giao thông trong mùa mưa lũ; tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương từ 33,6% lên 50%, tưới tiêu chủ động cho 75% diện tích trồng lúa nước và cây hằng năm. 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp. 100% dân số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Sắp xếp, bố trí ổn định số hộ cư trú phân tán trong các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; 100% hộ nghèo người DTTS chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng còn tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở được vay vốn, hỗ trợ cải thiện nhà ở; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho đồng bào. Tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 90%.

- 100% xã có đủ cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu dạy và học tại các bậc học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; phấn đấu 100% trẻ em 5 tuổi hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1; học sinh trong độ tuổi học tiểu học 98%, học trung học cơ sở trên 98%, học phổ thông trung học trên 70%; 100% người DTTS trong độ tuổi từ 15 đến hết tuổi lao động biết chữ; thu hẹp dần tiến tới xóa bỏ lớp học chặm bản.

- 100% trạm y tế xã đạt chuẩn giai đoạn 2022-2025; 99% người DTTS tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% phụ nữ có thai người DTTS được khám thai định kỳ, tỷ lệ trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân) giảm còn 13%.

- Nâng cao kỹ năng lao động, phấn đấu 100% người lao động được cung cấp thông tin về thị trường lao động; 70% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu điều kiện của người DTTS và đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN.

- Chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS; 100% xã có nhà văn hóa, 98% thôn, bản có nhà văn hóa (trong đó

70% nhà văn hóa đạt chuẩn); 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Tăng trưởng kinh tế bình quân các huyện có tỷ lệ người DTTS trên 15% đạt tối thiểu từ 10 đến 15%/năm.

- Thu nhập bình quân của người DTTS bằng 1/2 bình quân chung của cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN xuống dưới 10%. Cơ bản không còn các xã, thôn ĐBKK; 80% số xã vùng đồng bào DTTS&MN đạt chuẩn nông thôn mới.

- Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tăng bình quân đạt trên 10%/năm.

- Tuổi thọ trung bình người DTTS đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm.

- 80% người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt 35 - 40%, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào DTTS&MN, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030, có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.

- Trên 95% cán bộ, công chức cấp xã vùng đồng bào DTTS&MN có trình độ chuyên môn từ đại học, cao đẳng trở lên, trong đó trên 80% có trình độ đại học và trung cấp lý luận chính trị trở lên; trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng.

- Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

- Xóa tình trạng nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố.

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí ổn định 100% hộ DTTS đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt tối thiểu 37%.

- Hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong Mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Thu nhập bình quân của người DTTS đạt trên 1/2 bình quân chung của cả nước.
- Cơ bản không còn hộ nghèo; người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.
- Các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị

1.1. Ban Dân tộc

- Là đầu mối theo dõi, rà soát, tham mưu giúp UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cơ chế, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào DTTS. Tham mưu xây dựng đề án, chính sách, dự án thực hiện chiến lược công tác dân tộc nhằm phát triển toàn diện, nhanh và bền vững kinh tế - xã hội đồng bào DTTS&MN.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

- Tham mưu phân công cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện công tác dân tộc và các chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc; kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc theo hướng tinh gọn, đồng bộ, thống nhất, linh hoạt, ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đáp ứng yêu cầu về công tác dân tộc trong tình hình mới.

- Tập trung tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

- Rà soát, xây dựng, nâng cấp nền tảng công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc, bảo đảm khả năng tích hợp, đồng bộ, truy xuất, chia sẻ, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin liên quan đến công tác dân tộc; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

1.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp để phát triển nông nghiệp trong vùng đồng bào DTTS&MN theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương, chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực (quốc gia, cấp tỉnh, đặc sản địa phương) gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); gắn sản xuất, bảo quản với chế biến và kết nối thị trường nhằm phát

huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của vùng đồng bào DTTS&MN. Đồng thời định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lĩnh vực phù hợp với kế hoạch cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao khoa học, kỹ thuật; chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hoàn thành giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để bảo vệ, phát triển rừng hiệu quả, bền vững.

- Tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào DTTS và hộ nghèo người Kinh sinh sống tại vùng đồng bào DTTS&MN. Thu hút các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp, các doanh nghiệp xã hội, các tổ chức kinh tế - xã hội đầu tư các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, phát triển sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị ở vùng đồng bào DTTS&MN.

1.3. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho đồng bào DTTS; thực hiện chính sách về trợ giúp pháp lý trong vùng đồng bào DTTS&MN; chú trọng đến công tác xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, luật sư là người DTTS.

- Tham mưu cho Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo các thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các huyện tổ chức các hoạt động tuyên truyền pháp luật nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho đồng bào DTTS. Phối hợp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành có nội dung liên quan đến công tác dân tộc, các chính sách quy định riêng cho đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

1.4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS&MN bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú để đáp ứng nhu cầu học tập của con em người DTTS; quan tâm thực hiện xóa mù chữ và đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tầm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh, gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS&MN. Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng chính sách, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào DTTS&MN.

1.5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp các sở ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 09/06/2021 của Tỉnh ủy về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới; Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 31/7/2021 của UBND tỉnh phê duyệt “Đề án nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Giang đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới”. Trong đó, ưu tiên đào tạo nghề đối với lao động vùng đồng bào DTTS&MN.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện vùng đồng bào DTTS&MN tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông tham gia học các trình độ thuộc giáo dục nghề nghiệp; gắn đào tạo nghề với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương.

1.6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy định về đất đai phù hợp với tình hình thực tiễn trong công tác quản lý, sử dụng đất ở, đất sản xuất của người dân vùng đồng bào DTTS&MN. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với đời sống của người dân vùng đồng bào DTTS&MN; xây dựng kế hoạch hỗ trợ người dân vùng đồng bào DTTS&MN ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập.

1.7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan, tham mưu UBND tỉnh tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng viễn thông cho vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào DTTS&MN; phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc và nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045.

1.8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện dự án: “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch”, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao và du lịch vùng đồng bào DTTS&MN đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của đồng bào; thực hiện việc sưu tầm, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống thông qua ngôn ngữ, các lễ hội, lễ tết cổ truyền của đồng bào DTTS.

- Tham mưu phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào DTTS&MN; quảng bá, xúc tiến du lịch trong vùng đồng bào DTTS&MN; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; du lịch lịch sử - văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch “xanh”, du lịch “trải nghiệm”, du lịch “nông nghiệp” vùng đồng bào DTTS&MN.

1.9. Sở Y tế

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ y tế; đào tạo nhân lực y tế, tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng; giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và người dân vùng đồng bào DTTS&MN.

- Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm...

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, có cơ chế để phụ nữ người DTTS tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

- Xây dựng thí điểm các mô hình, tiến tới nhân rộng các cơ sở y tế kết hợp quân - dân y để khám bệnh, chữa bệnh cho người dân.

1.10. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu triển khai xây dựng chuyển giao tiên bộ khoa học và công nghệ góp phần chuyển đổi, phát triển sinh kế phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào DTTS&MN, hướng tới phát triển bền vững.

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sáng kiến, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN.

1.11. Sở Công Thương

- Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng thông qua hệ thống chợ đầu mối và các hội chợ xúc tiến thương mại. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ phù hợp đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, phát triển làng nghề và tổ chức xúc tiến tiêu thụ sản phẩm của vùng đồng bào DTTS&MN.

1.12. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Tham mưu xây dựng cơ chế để phụ nữ người DTTS tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch

hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em; chỉ đạo các cấp hội phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về pháp luật và trình độ mọi mặt cho phụ nữ DTTS.

1.13. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu huy động các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu Chiến lược công tác dân tộc đề ra; phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào DTTS&MN trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững.

- Lồng ghép, cân đối, bố trí các nguồn vốn đầu tư thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cho vùng đồng bào DTTS&MN.

1.14. Sở Tài chính

Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện các nội dung của kế hoạch đề ra theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

1.15. Sở Nội vụ

Hằng năm, tham mưu kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, trong đó quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng đồng bào DTTS&MN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới; chú trọng quy hoạch và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người DTTS; bảo đảm tỷ lệ cán bộ, nữ giới là người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số người DTTS ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bồi dưỡng nâng cao năng lực đề đội ngũ cán bộ đủ điều kiện tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

1.16. Sở Ngoại vụ

Tăng cường công tác đối ngoại để thu hút nguồn lực đầu tư của cộng đồng quốc tế cho vùng đồng bào DTTS&MN. Phối hợp triển khai có hiệu quả Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 phê duyệt Đề án "Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số" đến năm 2025.

1.17. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Chủ trì thực hiện tốt chính sách tín dụng đối với các đối tượng hộ nghèo, hộ đồng bào DTTS ở các xã ĐBKK, nhằm tạo điều kiện để hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh.

1.18. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh

- Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào DTTS để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động bạo loạn, biểu tình, gây rối an ninh trật tự.

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải

quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Giải quyết kịp thời phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS&MN, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối với danh nghĩa “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào DTTS&MN về số lượng, nâng cao về chất lượng, nhất là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK; tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, phường, thị trấn và các lực lượng khác trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2. Các giải pháp chủ yếu

2.1. Nâng cao nhận thức về công tác dân tộc

- Cấp ủy, chính quyền các cấp quán triệt sâu rộng và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mình trong thực hiện công tác dân tộc, nội dung của Nghị quyết số 10/NQ-CP; Kết luận số 65-KL/TW; hiểu rõ vai trò, vị trí, tầm năng to lớn của vùng đồng bào DTTS&MN cũng như các chính sách dân tộc nhất quán của Đảng và Nhà nước.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Xác định là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị, đồng thời là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên.

- Thường xuyên tuyên truyền gương người tốt việc tốt, hộ DTTS sản xuất kinh doanh giỏi, kịp thời biểu dương, động viên những đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua. Tăng cường giáo dục pháp luật, ý thức cảnh giác trong đồng bào DTTS, chủ động đấu tranh chống âm mưu diễn biến hòa bình, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, lôi kéo chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch.

2.2. Đảm bảo nguồn lực thực hiện Chiến lược công tác dân tộc tại địa phương

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, giải pháp tập trung hơn nữa để dành nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, kinh tế - xã hội, cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, trình độ dân trí cho người dân vùng đồng bào DTTS&MN; lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ, vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương, vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế, đặc biệt là ngân sách địa phương và vốn xã hội hoá từ các thành phần kinh tế.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi để huy động sự tham gia của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trong việc triển khai các gói tín dụng, bảo hiểm vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, góp phần phát huy ý chí tự lực,

tự cường, nỗ lực thoát nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Đề xuất các chính sách đặc thù để khuyến khích, thu hút và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

2.3. Đổi mới hoạt động, thực hiện chính sách dân tộc; kiện toàn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc

- Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, kế hoạch để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; quy định cụ thể các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách đã ban hành; tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế.

- Thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc. Xây dựng, quy định phương thức lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn; tích hợp hệ thống giám sát về quản lý đầu tư công và quản lý chuyên môn theo ngành, lĩnh vực để cơ quan tổng hợp nắm bắt được đầy đủ, kịp thời thông tin. Xây dựng quy định chung về quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đảm bảo sự chủ động trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện.

- rà soát, kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật có liên quan phù hợp với yêu cầu phát triển của vùng đồng bào DTTS&MN và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới. Xây dựng các chương trình hành động, dự án, kế hoạch triển khai phù hợp với nguồn lực và tình hình thực tế.

- Tiếp tục kiện toàn, xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến huyện theo Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01/11/2021 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

- Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ là người DTTS; tăng cường và bố trí cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng vào các chức danh chủ chốt cấp xã vùng đồng bào DTTS&MN; nâng cao chất lượng các công tác giúp đỡ, kết nghĩa của các cơ quan, đơn vị đối với các xã về phát triển kinh tế - xã hội và công tác vận động quần chúng.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và điều hành của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc các cấp.

2.4. Xây dựng, triển khai thực hiện các đề án, chương trình, chính sách thực hiện Chiến lược công tác dân tộc

- Các cơ quan, đơn vị chủ động bám sát sự chỉ đạo, điều hành của ngành dọc cấp trên, đề xây dựng thực hiện các kế hoạch đã đề ra; nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng các đề án, chính sách, dự án đặc thù nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Nắm tình hình thực tiễn và phản ánh tâm tư, nguyện vọng và lợi ích chính đáng của đồng bào; kịp thời tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách trong vùng dân tộc; khuyến khích người dân, các tổ chức nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, khắc phục những bất hợp lý, yếu kém trong quản lý, thực hiện chính sách ở cơ sở.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác dân tộc, chính sách dân tộc; kết hợp với việc rà soát, đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới; trong đó, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, xác định nhân tố nội lực là yếu tố quyết định đến sự phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ban Dân tộc chủ trì, tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch, rà soát các nhiệm vụ, kịp thời đề xuất, bổ sung những nội dung cụ thể theo các quy định của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương. Định kỳ hằng năm tổng hợp tình hình báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh. Tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược công tác dân tộc vào năm 2025 và tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược công tác dân tộc vào năm 2030.

2. Giám đốc sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ các nhiệm vụ cụ thể đã được phân công, thời hạn quy định, chủ động xây dựng kế hoạch của đơn vị để triển khai thực hiện kịp thời, bảo đảm hiệu quả và đáp ứng yêu cầu thực tế. Định kỳ hằng năm (trước ngày 10/12), các sở, ban, ngành, UBND các huyện theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch gửi báo cáo về Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ủy ban Dân tộc theo quy định.

3. UBND huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo phân cấp quản lý, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện. Tổ chức huy động các nguồn lực, lồng ghép vốn các chính sách, dự án đầu tư trên địa bàn với các nhiệm vụ của Kế hoạch để thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo lãng phí; phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế

hoạch, đề án của địa phương. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn; kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện ở địa phương. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS.

4. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc và nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và các chính sách khác có liên quan đến vùng DTTS trên địa bàn tỉnh.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ động phối hợp trong việc tuyên truyền, tổ chức triển khai, giám sát thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh. Tăng cường vận động đồng bào DTTS đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào dân tộc thiểu số; nêu cao ý thức tự lực tự cường, củng cố khối đoàn kết dân tộc.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng chuyên môn;
- + Lưu: VT, KGVX.Cường.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn